

PHỤ LỤC 01																				
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG LẦN 4																				
Đơn vị tính: 1.000 đồng																				
		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)				
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21
	TỔNG CỘNG		63,648,955.000	-	-	18,690,000.000	-	18,690,000.000	-	43,800,000.000	-	-	-	-	63,648,955.000	18,690,000.000	-	18,690,000.000	-	
A	Lĩnh Vực Giao thông		43,800,000.000	-	-	-	-	-	-	43,800,000.000	8,800,000.000	-	8,800,000.000	-	43,800,000.000	8,800,000.000	-	8,800,000.000	-	-
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Ngũ Hùng (cũ), đoạn từ Nhà văn hóa thôn Mỹ Trì đến đường tỉnh 396C; đoạn từ ngã ba La Ngoại qua Nhà văn hóa thôn Tiểu Lâm đến đường tỉnh 392B	QĐ số 191/QĐ-UBND ngày 15/7/2026	43,800,000.000			-			-	43,800,000.000	8,800,000.000		8,800,000.000		43,800,000.000	8,800,000.000	-	8,800,000.000	-	
B	Lĩnh vực Thủy lợi		2,980,040.000	-	-	490,000.000	-	490,000.000	-	-	1,331,085.000	-	1,331,085.000	-	2,980,040.000	1,821,085.000	-	1,821,085.000	-	
1	Xây mới cầu Đồng Ban, thôn Gia Cốc, xã Thanh Miện	QĐ số 107/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	2,980,040.000			490,000.000	-	490,000.000	-	-	1,331,085.000		1,331,085		2,980,040.000	1,821,085.000	-	1,821,085.000	-	
C	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và Quy hoạch chi tiết các công trình, dự án, Chợ dân sinh		16,868,915.000	-	-	18,200,000.000	-	18,200,000.000	-	-	10,131,085.000	-	- 10,131,085.000	-	16,868,915.000	8,068,915.000	-	8,068,915.000	-	-
1	Điểm dân cư mới thôn Bằng Bộ (khu Sau Hàng)		15,000,000.000			15,000,000.000	-	15,000,000.000	-	-	8,800,000.000	-	8,800,000.000		15,000,000.000	6,200,000.000		6,200,000.000		
2	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Cự Trĩ, xã Thanh Miện (giai đoạn 2)	QĐ số 108/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	1,868,915.000			3,200,000.000	-	3,200,000.000	-	-	1,331,085.000		-1,331,085		1,868,915.000	1,868,915.000	-	1,868,915.000	-	

PHỤ LỤC 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH

Den vi får: 1.000 öre

[illegible]